

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

"V/v Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và ông Phạm Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị B - Sinh năm 1982**

Nơi cư trú: Khu 3 xã L, huyện T, tỉnh Phọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H - Sinh năm 1978**

Nơi cư trú: Khu 3 xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chị Bảo có mặt, anh Hùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị B trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

- Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn ngày 01/4/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng tại xã L, huyện T. Vợ chồng chung sống được hơn 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham chơi lấy hết tài sản của gia đình đem đi, nợ nần chị phải vay tiền để trả và còn đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, từ nhiều tháng nay chị và anh H không còn sống chung. Chị xác định cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Phương A; sinh ngày 03/02/2006 và Nguyễn Tú H; sinh ngày 24/3/2008, hiện nay cả hai con đều đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Văn H có một số tài sản chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung không có nên cũng không yêu cầu.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện quan điểm như sau:

- Anh H xác nhận về thời gian và thủ tục kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống như chị B đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do chị B không chịu làm ăn, không chăm lo gia đình. Do anh thường xuyên đi làm ăn xa nên từ lâu vợ chồng không còn sống chung. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh cũng xác định tình cảm với chị B không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị B.

- Về con chung: Anh H xác nhận có 02 con chung đúng như chị B đã trình bày. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, anh H có kê khai một số tài sản chung và yêu cầu chia. Tòa án đã thông báo cho anh H nộp chi phí tố tụng để thẩm định, định giá tài sản nhưng anh H không thực hiện và từ đó cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân giữa chị Phan Thị B và anh Nguyễn Văn H: Chị B và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng đã có những bất đồng về quan điểm, tính cách, lối sống làm phát sinh mâu thuẫn đến mức không thể giải quyết được. Mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhưng anh H và chị B đều xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn. Xét thấy vợ chồng đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân, không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy,

xét yêu cầu ly hôn của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị B và anh H có 02 con chung như đã trình bày ở trên. Nguyên vọng được nuôi con chung của cả hai bên là hoàn toàn chính đáng, xuất phát từ tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con của mình và đây cũng là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ được pháp luật quy định. Tuy nhiên, thực tế thì hiện nay các con chung vẫn đang do chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đang có cuộc sống học tập ổn định, đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị B. Quá trình giải quyết và xét xử vụ án anh H nhiều lần vắng mặt, vì vậy để con chung tiếp tục có cuộc sống ổn định, mọi quyền lợi của con được đảm bảo nên giao cả 02 con chung cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị B tự nguyện không yêu cầu vì vậy trong vụ án này không buộc anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Chị B có mặt không yêu cầu giải quyết về tài sản, còn anh H trong quá trình hòa giải có kê khai và yêu cầu chia tài sản chung. Tòa án đã thông báo cho anh H có nghĩa vụ nộp chi phí tố tụng để thẩm định, định giá theo quy định của pháp luật nhưng anh H không thực hiện nghĩa vụ, sau đó anh H đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án vì vậy trong vụ án này không có căn cứ để xem xét giải quyết về tài sản chung theo yêu cầu của anh H mà tách ra để giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi phát sinh tranh chấp và đương sự có yêu cầu.

[5]. Về nợ chung và các vấn đề khác chị B và anh H đều xác nhận không có nên không giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Phan Thị B và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

- Về nuôi con chung sau ly hôn: Giao cho chị Phan Thị B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Phương A; sinh ngày 03/02/2006 và Nguyễn Tú H; sinh ngày 24/3/2008, (hiện nay cả hai con chung đều đang ở cùng với chị B tại khu 3 xã L, huyện T). Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về nợ chung và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Phan Thị Bảo phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Bảo đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2019/0002161 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã L, huyện T;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hồng Tuấn